



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Giám sát, dự báo chất lượng trong hệ thống công trình thủy lợi
Liên Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2020

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 01

NGÀY 29 THÁNG 4 NĂM 2020



Hệ thống thủy lợi Liên Sơn

Hà nội: Ngày 29 tháng 4 năm 2020



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Dự án: Giám sát, dự báo chất lượng trong hệ thống công trình thủy lợi
Liên Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2020**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
ĐỢT 01**

NGÀY 29 THÁNG 4 NĂM 2020

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

TS. Lê Xuân Quang

Hà nội: Ngày 29/4/2020

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

NGÀY 29 THÁNG 4 NĂM 2020

1. **Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng trong hệ thống công trình thủy lợi Liễn Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. **Ngày quan trắc:** 28/4/2020 **Ngày cung cấp TT:** 29/4/2020

3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

- Thời điểm lấy mẫu: 02 Trạm bơm Đại Định và Bạch Hạc ngừng hoạt động bơm nước. Mực nước trước đập dâng Liễn Sơn là +16,80m; mực nước bể hút trạm bơm Đại Định là +4,30m; mực nước bể hút trạm bơm Bạch Hạc là +4,90 m.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 (Có danh sách kèm theo)

5. **Đơn vị thực hiện:** Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường **Người cung cấp thông tin:** TS. Lê Xuân Quang- Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. **Đơn vị nhận thông tin:** Các đơn vị quản lý sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi Liễn Sơn

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

(So sánh với QCVN 08-MT:BTNMT cột B₁)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường					Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	Độ đục (NTU)	pH	DO (mg/l)	
1	LS1	Đập Liễn Sơn	Kiểm tra chất lượng nước trước khi chảy vào hệ thống	Nước màu nâu nhạt, có dòng chảy mạnh, 2 cống mở xả nước xuống hạ du đập, nước có mùi tanh nhẹ. Xung quanh hiện trường có rác, bèo, trôi nổi. Mực nước tại đập Liễn Sơn là +16,80 m, nước đang xả qua đập tràn xuống hạ du.	26	25.40	7.7	6.08	Nước đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất
2	LS2	TB Bạch Hạc	Kiểm tra chất lượng nước bơm vào hệ thống từ sông Lô	Sông Lô nước chảy mạnh, trạm bơm ngừng hoạt động bơm nước, bể hút có ít rác, tàu thuyền neo đậu quanh luồng dẫn nước vào trạm bơm, nước màu	26	21.66	7.7	5.92	Nước đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường					Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	Độ đục (NTU)	pH	DO (mg/l)	
				nâu nhạt, không mùi. Trời nắng. Mực nước sông tại vị trí cửa bể hút của trạm bơm +4,90 m					
3	LS3	TB Đại Định	Kiểm tra chất lượng nước bơm vào hệ thống	Sông Hồng nước chảy mạnh, màu vàng nhạt, trạm bơm ngưng hoạt động, kênh không có rác thải, bể hút có ít rác, nước không mùi. Trời nắng. Cao trình mực nước sông tại vị trí cửa bể hút trạm bơm +4,30m	25	20.06	6.9	7.90	Nước đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất
4	LS4	Cống Vân Tập	Kiểm tra chất lượng nước kênh chính	Ba cống mở, nước màu nâu nhạt, mùi hôi nhẹ, xung quanh không có rác thải, nước chảy mạnh xuống hạ du, trời nắng gắt.	26	33.12	7.2	5.60	Nước đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất
5	LS5	Điều tiết Vũ Di	Kiểm tra chất lượng nước kênh chính	Cống đóng, dòng chảy mạnh xuống kênh lấy nước vào đồng phía thượng lưu cống. Nước màu xanh nhạt, mùi tanh và hôi, lòng kênh có nhiều rác thải trôi theo dòng nước. Trời nắng.	26	19.53	7.6	3.84	Nước không đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất, hạn chế lấy nước cho sản xuất
6	LS6	Cống Nguyệt Đức	Kiểm tra chất lượng nước kênh chính	Cống Nguyệt Đức đóng, thượng lưu và hạ lưu công đều có ít nước. Nước màu nâu, có bọt, có mùi hôi, không có dòng chảy. Xung quanh có nhiều rác thải hai bờ kênh và dưới kênh phần thượng lưu cống. Trời nắng gắt.	24	19.08	7.0	2.72	Nước không đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất, hạn chế lấy nước cho sản xuất
7	LS7	Cầu Cơ Khí	Kiểm tra chất lượng nước kênh chính	không dòng chảy, chỉ chứa nước thải sinh hoạt đổ trực tiếp vào kênh. Nước	24	40.33	7.6	0.13	Nước không đạt quy chuẩn phục vụ

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường					Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	Độ đục (NTU)	pH	DO (mg/l)	
				màu đen, hôi thối. Xung quanh nhiều rác thải các loại. Trời nắng gắt.					SSNN, hạn chế lấy nước cho sản xuất
8	LS8	Cầu Đất	Kiểm tra chất lượng nước kênh chính	Kênh có dòng chảy yếu. Mực nước trong kênh 0.25m. Dòng kênh và hai bờ kênh chứa nhiều rác thải sinh hoạt các loại. Nước có màu nâu, mùi hôi tanh. Trời nắng gắt.	24	37.27	7.2	2.88	Nước không đạt quy chuẩn phục vụ SSNN, hạn chế lấy nước cho sản xuất
9	LS9	Cầu Vàng	Kiểm tra chất lượng nước trên sông Phan	Sông có dòng chảy trung bình, có ít bèo, ít rác, nước có mùi hơi tanh, màu xanh nhạt. Trời nắng. Tại vị trí đầu cầu có nước từ cụm dân cư đổ vào.	26	25.51	7.0	4.48	Nước đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất
10	LS10	Cầu Thượng Lập	Kiểm tra chất lượng nước trên sông Phan	Có dòng chảy trung bình, nhiều bèo tây và ít rác thải, nước màu nâu nhạt, mùi tanh nhẹ. Phía đầu cầu có điểm tập kết rác thải sinh hoạt. Trời nắng.	26	41.90	7.4	4.64	Nước đạt quy chuẩn phục vụ SSNN.
11	LS11	Cầu Xuân Lai	Kiểm tra chất lượng nước trên sông Phan	Có dòng chảy trung bình xuống hạ du, ít bèo, có ít rác. Công việc thi công cầu qua sông vẫn đang được triển khai, nước màu vàng nhạt, mùi tanh nhẹ. Tại vị trí lấy mẫu cách cửa xả nước mưa của khu dân cư 10m về phía hạ du đang trực tiếp xả nước vào sông, nước đục. Trời nắng.	26	44.13	7.1	4.00	Nước đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất
12	LS12	Đập Vĩnh Sơn	Kiểm tra chất lượng nước trên sông Phan	Có dòng chảy mạnh, hai cống mở, nước màu xanh nhạt, có mùi tanh. Trời nắng nhẹ. Thượng lưu có nhiều	25	40.82	7.6	4.48	Nước đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất

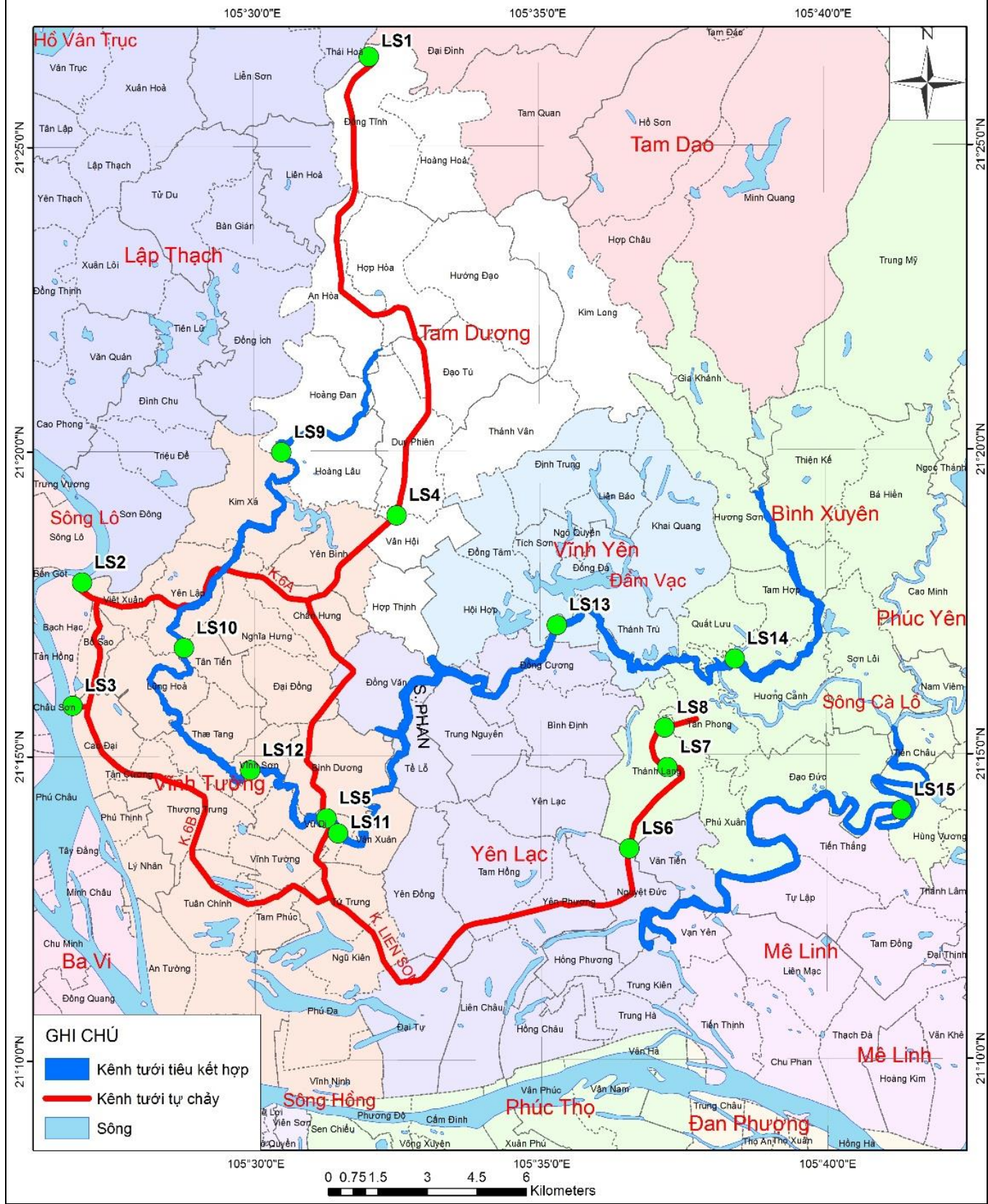
TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường					Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	Độ đục (NTU)	pH	DO (mg/l)	
				bèo và rác thải sinh hoạt.					
13	LS13	Đập Lạc Ý	Kiểm tra chất lượng nước trên sông Phan	04 cống mở, nước đang cấp xuống hạ du. Dòng chảy có bèo và rác. Nước màu xanh, hơi đen và có mùi tanh nhẹ. Trời nắng.	25	38.69	7.2	3.84	Nước không đạt quy chuẩn phục vụ SSNN, hạn chế lấy nước cho sản xuất
14	LS14	Cầu Lò Cang	Kiểm tra chất lượng nước trên sông Tranh-sông Phan	Có dòng chảy trung bình, có ít bèo, nước màu xanh nhạt, mùi hôi. Trời nắng.	25	39.71	7.3	4.16	Nước đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất
15	LS15	Cầu Tiên Châu	Kiểm tra chất lượng nước trên sông Cà Lò cụt	Không dòng chảy trung bình từ sông vào kênh, xung quanh môi trường có rác và gia cầm chôn thả (vịt). Có nước thải từ khu dân cư chảy vào hệ thống. Nước màu nâu nhạt, có mùi tanh. Trời nắng nhẹ.	24	43.67	7.1	4.64	Nước đạt quy chuẩn phục vụ sản xuất
QCVN 08-MT:BTNMT cột B₁					-	-	5,5-9	≥4	

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột B₁ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng nước khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂.

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2020

Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

VỊ TRÍ LẤY MẪU HỆ THỐNG THỦY LỢI LIÊN SƠN



Bản đồ vị trí các trạm quan trắc, dự báo chất lượng nước

